

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện 03 năm (2013 - 2015)
Chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội
tỉnh An Giang giai đoạn 2011 - 2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Chương trình “Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015”;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 404/TTr-SKHĐT-ĐT XD ngày 01 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện 03 năm (2013 - 2015) Chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội tỉnh An Giang giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo chương trình, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc CT;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP & P.TH, VX, KT, ĐTXD;
- Lưu.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Anh Kiệt

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện 03 năm (2013 - 2015) Chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội tỉnh An Giang giai đoạn 2011 – 2015

(Kèm theo Quyết định số: 1468 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Chương trình Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015;

Qua 02 năm 2011 - 2012 triển khai thực hiện Chương trình, cũng như mục tiêu cần đạt được trong 03 năm 2013 - 2015 còn lại, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giai đoạn 2013-2015, như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

Trong giai đoạn 2013 - 2015, tỉnh sẽ tập trung đầu tư nguồn lực để phân bổ cho các dự án quan trọng trong kế hoạch trung hạn 03 năm 2013 -2015 và giai đoạn sau 2015 có trọng điểm để phát triển kết cấu hạ tầng một cách đồng bộ trên các lĩnh vực với chất lượng cao, kỹ thuật tiên tiến nhằm tạo điều kiện về cơ sở vật chất để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thu hẹp khoảng cách vùng và nâng cao mức sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Kế hoạch làm căn cứ để các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. Yêu cầu

Kế hoạch phải cụ thể hóa các mục tiêu Chương trình và nhiệm vụ của Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 11-CTr/TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010 – 2015 đề ra, phải thiết thực, phân kỳ từng giai đoạn một cách hợp lý, tập trung vào những mục tiêu trọng tâm của Chương trình; có tính khả thi cao, triển khai hoàn thành để phát quy hiệu quả kinh tế - xã hội và phải cụ thể hóa các mục tiêu trên vào kế hoạch đầu tư trung hạn 03 năm 2013-2015 và các giai đoạn tiếp theo sao cho các mục tiêu đó phải cân đối với nguồn lực và có thể huy động được nhằm thực hiện thành công các mục tiêu đề ra.

B. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2013 - 2015

Từ kết quả đạt được, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện 03 năm 2013 - 2015 Chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội tỉnh An Giang giai đoạn 2011 - 2015, như sau:

I. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2013-2015

1. Nhiệm vụ chung của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cần tập trung rà soát các quy hoạch ngành, về chính sách và xem xét các chính sách của Trung ương cần thay đổi bổ sung cho phù hợp địa phương

Theo Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhu cầu vốn đầu tư sau rà soát vẫn còn quá lớn so với khả năng huy động của Tỉnh, nên xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể cho giai đoạn 2013 - 2015 từng Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành, như sau:

- Đối công trình đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước cần ưu tiên cân đối 02 nhóm: Danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013 - 2015, danh mục dự án có chủ trương đầu tư, nhưng phải sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư.

- Danh mục dự án đầu tư BOT, BT, PPP và Danh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư đề nghị từng Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chủ động tìm đối tác đầu tư.

2. Nhiệm vụ trọng tâm các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố cần tập trung triển khai trong giai đoạn 2013-2015

2.1. Đối hạ tầng giao thông vận tải

Giao Sở Giao thông Vận tải phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (kể cả quan hệ với các Bộ, ngành Trung ương liên quan) thực hiện các nhiệm vụ sau:

- *Hệ thống giao thông Trung ương đầu tư đầu tư trên địa bàn:* đẩy mạnh quan hệ với các Bộ, ngành Trung ương để triển khai đầu tư hoàn thành các dự án kèm theo chương trình, để hình thành được trục giao thông Đông Tây vùng đồng bằng sông Cửu Long để tạo điều kiện giao thông thuận tiện trong vùng và phát triển ra các nước khu vực.

- *Các tuyến đường tỉnh:* cần tập trung nguồn lực đầu tư để hoàn thành các tuyến đường tỉnh có kế hoạch triển khai và có kế hoạch phân bổ nguồn lực hợp lý để tập trung đầu tư những tuyến hoàn thành trong năm 2014 và những tuyến hoàn thành năm 2015.

- *Các tuyến đường huyện, đường xã,* sử dụng ngân sách cấp huyện hằng năm (không để tình trạng gây nợ đọng) và huy động các nguồn lực hợp pháp khác của địa phương để tổ chức thực hiện. Riêng các tuyến đường giao thông

nông thôn đến trung tâm xã chưa có đường ô tô, tỉnh sẽ tiếp tục tranh thủ với Bộ, ngành Trung ương xin hỗ trợ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016 – 2020.

2.2. Đối với hạ tầng công nghiệp cung cấp điện, nước

a) Hạ tầng công nghiệp và kinh tế cửa khẩu

- *Giao Ban Quản lý khu kinh tế*, hoàn thành đầu tư Khu công nghiệp Bình Hòa, đồng thời làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách trung ương đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu.

- *Giao Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố* đầu tư các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2012 - 2015 theo quy định, trong đó ưu tiên các danh mục hoàn thành trong giai đoạn 2013 - 2015 và xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, cấp nước 17 xã nông thôn mới theo lộ trình và thứ tự ưu tiên.

b) Hạ tầng cung cấp điện

Giao Sở Công thương, chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Công ty Điện lực An Giang thực hiện theo Chương trình số 11-CTr/TU của Tỉnh ủy, xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp hạ tầng cung cấp điện, phục vụ đặc lực cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Công thương, Ban Quản lý khu kinh tế trên cơ sở các khu kinh tế, khu công nghiệp đã và đang xây dựng để có kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị đến năm 2020.

2.3. Đối với hạ tầng nông nghiệp - thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng kế hoạch triển khai của giai đoạn 2013 - 2015 tập trung đầu tư các công trình phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai, biến đổi khí hậu, những công trình dự kiến hoàn thành 2013 - 2015 phù hợp khả năng cân đối ngân sách (*danh mục kèm theo kế hoạch*).

- Xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở các huyện, thị xã, thành phố, trong đó cần kết hợp với quy hoạch cánh đồng mẫu lớn và quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp An Giang đến năm 2020.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn 03 năm các công trình nạo vét kênh, gia cố đê, xây dựng cống đập, phát triển đường giao thông nông thôn, trạm bơm điện.

2.4. Đối với hạ tầng thông tin

Giao Sở Thông tin Truyền thông, thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Hoàn thành Dự án Trung tâm dữ liệu tỉnh, nâng cấp hạ tầng mạng và an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước, tiến tới đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành để kết hợp phần mềm một cửa tại các Sở, ngành trong giai đoạn thích hợp.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp hoàn chỉnh trang thiết bị truyền thanh cho đài truyền thanh cấp huyện, xã theo lộ trình.

2.5. Đối với hạ tầng khoa học và công nghệ

Giao Sở Khoa học và Công nghệ, tập trung thực hiện như sau:

Khẩn trương triển khai thực hiện đầu tư hoàn thành các hạng mục chính Trung tâm Công nghệ sinh học trong giai đoạn 2013 - 2015 và Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để nơi đây là nơi học tập nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các công nghệ và công nghệ cao vào nông nghiệp.

2.6. Đối với hạ tầng tài nguyên - môi trường - công cộng

Giao Sở Tài nguyên - Môi trường, thực hiện như sau:

- Trong giai đoạn, ưu tiên đầu tư các dự án thuộc nhóm danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013 - 2015 và dự án đã có chủ trương đầu tư (*danh mục kèm theo kế hoạch*).

- Tiếp tục chủ động tìm đối tác đầu tư các đề án, dự án đã phê duyệt, tranh thủ hỗ trợ vốn từ Trung ương cũng như các nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài.

2.7. Đối với hạ tầng thương mại

Giao Sở Công thương, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tập trung vào phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch gắn với kinh tế biên giới, trọng tâm của phát triển thương mại - dịch vụ, đồng thời tăng cường quan hệ hợp tác phát triển mạnh thương mại biên giới thông qua hoạt động khu kinh tế cửa khẩu, chợ biên giới (tranh thủ hỗ trợ vốn đầu tư 18 chợ biên giới, chợ cửa khẩu theo Quyết định số 6077/QĐ-BCT ngày 15/10/2012 của Bộ Công thương).

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông xây dựng đề án đầu tư phát triển hệ thống thương mại điện tử, trên cơ sở thí điểm những doanh nghiệp tiềm năng của tỉnh, sau đó hỗ trợ và nhân rộng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.8. Đối với hạ tầng đô thị

Giao Sở Xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có kế hoạch cụ thể để định hướng phát triển đô thị theo Chương trình hành động số 11-CTr/TU của Tỉnh ủy, trong đó cần ưu tiên đầu tư "*Dự án đầu tư nâng cấp đô thị thành phố Long Xuyên*" và xây dựng Dự án khu đô thị mới...

đầu tư phát triển hạ tầng đô thị theo Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 08/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Quá trình nâng cấp phát triển đô thị phải sử dụng hiệu quả, hợp lý quỹ đất đô thị hiện hữu, giữ gìn quỹ đất nông nghiệp nhằm bảo đảm chiến lược an ninh lương thực quốc gia.

2.8. Đối với hạ tầng giáo dục và đào tạo

a) Giao Sở giáo dục và đào tạo, thực hiện các nhiệm vụ sau:

Tiếp tục đầu tư hoàn thành 90% các trường THPT chuyển tiếp, tiếp tục đầu tư mua sắm các trang thiết bị cho các trường đã đầu tư hoàn chỉnh phần xây lắp và triển khai thi công các điểm trường THPT thực hiện mới.

Tiếp tục tập trung thực hiện hoàn thành danh mục đầu tư năm 2010 thuộc Đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2010 – 2020 và ưu tiên đầu tư các điểm trường thuộc 17 xã điểm thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới. Lập danh mục đầu tư để đề nghị các Bộ ngành trung ương hỗ trợ Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2013 – 2015 và lộ trình đến năm 2020.

b) Giao Sở Lao động Thương binh Xã hội, trên cơ sở các trường nghề đã đầu tư lựa chọn các trường phù hợp tiêu chí để đề nghị Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đưa vào danh mục Đề án 40 trường dạy nghề chất lượng cao đến năm 2020, để được tiếp tục hỗ trợ đầu tư.

c) Giao Trường Đại học An Giang, hoàn chỉnh trang thiết bị Trường Đại học An Giang giai đoạn 2015 - 2020, đáp ứng nhu cầu đào tạo theo hướng chuẩn hóa, đồng thời phối hợp Sở Y tế tiến tới thành lập Khoa y tại trường.

d) Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp các Sở, Ngành liên quan, hoàn thành dự án nhà ở sinh viên cụm Bắc Long Xuyên; tranh thủ các nguồn vốn, phấn đấu triển khai dự án nhà ở sinh viên cụm Tây thành phố Long Xuyên, nhằm đảm bảo nhu cầu về ký túc xá cho sinh viên.

2.9. Đối với hạ tầng y tế

Giao Sở Y tế, thực hiện những vấn đề sau:

- Hoàn thành Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh (điểm mới), ưu tiên đầu tư các dự án thuộc nhóm danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013 - 2015 và trạm y tế xã thuộc 17 xã điểm thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới. Tiến tới đầu tư các thiết bị kỹ thuật từ thấp đến cao, bảo đảm tính liên tục về cấp độ chuyên môn và đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư hạ tầng trong lĩnh vực y tế.

2.10. Đối với hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch

Giao Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ sau:

- Tập trung đầu tư các công trình hóa phục vụ đại hội thể dục thể thao năm 2018, danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013 - 2015 và dự án đã có chủ trương đầu tư (*danh mục kèm theo kế hoạch*).

2.11. Hạ tầng lao động, thương binh và xã hội

Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, trong giai đoạn, ưu tiên đầu tư các dự án thuộc nhóm danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013-2015 và dự án đã có chủ trương đầu tư (*danh mục kèm theo kế hoạch*)

2.12. Hạ tầng quốc phòng - an ninh

Giao Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh, trong giai đoạn, ưu tiên đầu tư các dự án thuộc nhóm danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013 - 2015 và dự án đã có chủ trương đầu tư (*danh mục kèm theo kế hoạch*).

2.13. Hạ tầng trụ sở làm việc các cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể

Danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013 - 2015 và dự án đã có chủ trương đầu tư (*danh mục kèm theo kế hoạch*) và trụ sở xã thuộc 17 xã điểm thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2013-2015

Trên cơ sở mục tiêu Chương trình đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, Chương trình hành động số 11-CTr/TU của Tỉnh ủy, ngoài những nhiệm vụ chủ yếu được phân công thực hiện nêu trên, đề nghị các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố triển khai chi tiết, bảo đảm thực hiện kịp thời và hiệu quả những nội dung của kế hoạch theo bảng phân công sau:

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
A	Nhiệm vụ chung				
I	Công tác điều hành và tuyên truyền thực hiện Chương trình hằng năm				
1	Tổ chức thông tin, tuyên truyền phổ biến rộng rãi kế hoạch đến các tổ chức, cơ quan trong toàn tỉnh	Sở TTTT	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thông tin, tuyên truyền	2013-2015
II	Kế hoạch chung của Sở, ban, ngành và huyện, thị xã, thành phố				
1	Căn cứ Kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các Sở, Ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện cho giai đoạn 2013-2015 và năm 2013 theo nhiệm vụ được phân công và xem xét tình hình thực tế triển khai để có điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.	Các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch xây dựng bám sát các nhóm dự án theo biểu đính kèm, sắp xếp thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện chương trình gửi lại Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chậm nhất 8/2013
2	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình năm 2013, trên cơ sở ưu tiên bố trí vốn đầu tư các dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2013 chưa bố trí đủ vốn và các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2013-2015 có trong Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh, không để xảy ra nợ đọng.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch	Chậm nhất 8/2013

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3	Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện 03 năm các công trình nạo vét kênh, gia cố đê, xây dựng công đập, phát triển đường giao thông nông thôn, trạm bơm điện,....., sử dụng từ nguồn thủy lợi phí tạo nguồn hằng năm và vay tín dụng ưu đãi.	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự toán kinh phí đầu tư 03 năm 2013-2015	Chậm nhất 8/2013
4	Tổ chức vận hành, triển khai có hiệu quả Quỹ Đầu tư Phát triển của tỉnh	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Ban hành chính sách hỗ trợ vốn đầu tư để các nhà đầu tư tiếp cận được vốn	2013-2015
5	Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn 03 năm các công trình nạo vét kênh, gia cố đê, xây dựng công đập, phát triển đường giao thông nông thôn, trạm bơm điện,.....để thực hiện theo mô hình "cánh đồng lớn", sử dụng từ nguồn thủy lợi phí tạo nguồn hằng năm và vay tín dụng ưu đãi, phù hợp với Quyết định số 1320/QĐ-UBND và trên tinh thần thông báo kết luận 293/TB-VPCP ngày 14 tháng 8 năm 2012 của VP Chính phủ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Kế hoạch triển khai thực hiện	Chậm nhất 8/2013
6	Rà soát điều chỉnh bổ sung mới các dự án quan trọng của ngành và địa phương để tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư, lựa chọn danh mục và lập đề cương dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT, PPP theo Quyết định số 308/QĐ-UBND.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	QĐ điều chỉnh bổ sung danh mục	Chậm nhất quý 3, 4
7	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, rà soát các dự án có trong kế hoạch triển khai thực hiện có tiến độ triển khai thực hiện nhanh vượt với mức vốn thông báo (ưu tiên những dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và hỗ trợ có mục tiêu) đăng ký tạm ứng ngân sách 2014, theo hướng dẫn Bộ kế hoạch và Đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư + Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Danh mục đăng ký	Chậm nhất 8/2013
B	Các huyện, thị xã, thành phố, xác định danh mục đầu tư các công trình kế cấu hạ tầng thuộc phạm vi cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố, trong đó ưu tiên đầu tư củng cố hóa mặt lộ giao thông nông thôn quan trọng đầu nổi tính lộ phục vụ vận chuyển lương thực, trong khả năng cân đối ngân sách cấp huyện quản lý, đồng thời xác định lại khối lượng nợ xây dựng cơ bản (nếu có), để có kế hoạch trả nợ theo quy định.	Các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Kế hoạch đầu tư xây dựng thuộc ngân sách huyện quản lý	Chậm nhất 8/2013
B	Nhiệm vụ cụ thể từng lĩnh vực				
I	Hạ tầng giao thông				
1	Tiến hành rà soát lại các quyết định Thủ tướng Chính phủ đã ban hành kế hoạch đầu tư nhưng chưa được triển khai đầu tư theo lộ trình hoặc có trong kế hoạch đầu tư nhưng chưa được triển khai thực hiện và đang triển khai nhưng chưa đảm bảo nguồn vốn nguồn, kiến nghị Bộ ngành Trung ương tập trung vốn đầu tư.	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2015
2	Các tuyến đường chức năng, liên kết nội vùng theo Quyết định số 11/2012/QĐ-TTg, giao Sở	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài	Dự án phê	Hoàn chỉnh hồ sơ giai

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	Giao thông Vận tải hoàn chỉnh thủ tục đầu tư làm việc với các Bộ, Ngành Trung ương để nghị nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu để triển khai sau 2015.		chính và UBND huyện, thị xã, thành phố	duyet, kết quả làm việc	đoạn 2013-2015, triển khai đầu tư 2015-2030
3	Tiếp tục đề nghị Bộ ngành trung ương để đầu tư nâng cấp hoàn chỉnh các tuyến đường tỉnh: 942, 943, 944, 948, 952, 954, 955A, 955B, 957 và tuyến Tri Tôn – Vàm Rầy và tuyến 941 thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vùng đồng bằng sông Cửu Long (WB5).....	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và UBND huyện, thị xã, thành phố	Kết quả làm việc	Thời gian thực hiện, trước các kỳ họp Quốc hội
4	Đối với các công trình đường thủy nội địa Trung ương đầu tư trên địa bàn như nạo vét kết hợp đê bao ngăn lũ, các tuyến trục chính đảm bảo cho tàu có tải trọng 500 – 2000 DWT lưu thông đến các cảng thủy nội địa và giao thương với Campuchia, kiến nghị trung ương sớm hoàn thành, để tỉnh có kế hoạch triển các dự án nạo vét đầu nối.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2015 và tầm nhìn đến 2020
5	Trên cơ sở nhu cầu đầu tư các dự án trong giai đoạn 2012-2015 và giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chuyển đổi hình thức đầu tư một số dự án có khả năng thu hồi vốn, theo hướng dẫn Bộ kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải	UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2015 và tầm nhìn đến 2020
6	Trên cơ Sở danh mục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kêu gọi đầu tư và danh mục được chuyển đổi hình thức đầu tư cần tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách đầu tư phát triển đối với các loại giao thông và những công trình giao thông chủ yếu theo các hình thức BOT, BT và PPP.	Sở Giao thông vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các UBND các huyện, thị xã, thành phố		2013-2015 và tầm nhìn đến 2020
7	Cấp huyện xem xét các tuyến đường huyện, đường xã có tính chất quan trọng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sử dụng ngân sách cấp huyện hằng năm và huy động các nguồn lực hợp phát khác của địa phương để tổ chức thực hiện.	UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài chính	Kế hoạch	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
8	Tập trung triển khai đầu tư nâng cấp các tuyến đường tỉnh đã được giao kế hoạch vốn	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
9	Triển khai thi công Cầu Tân An, ĐT.957	UBND thị xã Tân Châu và UBND huyện An Phú	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Giao thông Vận tải	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
10	Tiếp tục triển khai 05 tuyến đường huyện và 01 cầu được tỉnh hỗ trợ năm 2013 thực hiện hoàn thành 2013	UBND các huyện: Phú Tân, An Phú, Châu Phú, Chợ Mới và thị xã Châu Đốc, thị xã Tân Châu	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Giao thông Vận tải	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
11	Sở Giao thông Vận tải chủ động tìm đối tác đầu tư Tuyến tránh thị trấn Cái Dầu	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư và Trung tâm xúc tiến đầu tư	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng quý

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
12	Hoàn thành lập dự án sân bay An Giang, để làm cơ sở mời gọi đầu tư	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Mời gọi đầu tư	Báo cáo kết quả cuối năm 2013
II Công nghiệp - Điện - Nước					
1	Ban Quản lý dự án xây dựng kế hoạch đầu tư KKT làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách trung ương đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng các KKT cửa khẩu, để nhằm phát huy nhanh hiệu quả hoạt động của các KKT cửa khẩu.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Kết quả làm việc	Thời gian thực hiện, giai đoạn 2013-2015
2	Sở Công thương cơ quan quản lý chuyên ngành về công thương chủ động kêu gọi đầu tư các dự án (Danh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư kèm theo kế hoạch) trong các chương trình xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ thủ tục đầu tư cho nhà đầu tư và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư các dự án kêu gọi đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến nông lâm thủy sản.	Sở Công thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai	2013-2015
3	Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành đầu tư các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2012-2015 theo quy định, trong đó ưu tiên các danh mục hoàn thành trong giai đoạn 2013-2015	UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Kết quả thực hiện	2013-2015
4	Tiếp tục hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng còn lại chưa thực hiện hoàn thành năm 2012 của các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu để kêu gọi đầu tư	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo hàng tháng tình hình triển khai.	Định kỳ báo cáo ngày 20 hàng tháng
5	Tiếp tục triển khai Chương trình cấp nước và vệ sinh nông thôn và công trình cấp nước tập trung và phát triển hệ thống điện cho 17 xã điểm nông thôn mới đến năm 2015	Trung tâm NSVSMINT và đơn vị có liên quan (17 xã NTM)	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và UBND huyện, thị, thành	Kế hoạch triển khai thực hiện	Định kỳ báo cáo ngày 20 hàng tháng
6	Sở Công thương kiểm tra, giám sát, việc xây dựng kế hoạch và yêu cầu điều chỉnh cho phù hợp đối với kế hoạch đầu tư hạ tầng điện theo quy hoạch để đảm bảo điện phục vụ sản xuất sinh hoạt như: Đường dây 220kV, Đường dây 110kV; Xây mới trạm biến áp, thay thế máy biến áp, việc đầu tư cần tính toán phục vụ các trạm bơm điện	Sở Công thương	Công ty Điện lực An Giang	Kết quả thực hiện	Báo cáo ngày 15/12 năm
III Đối với hạ tầng nông nghiệp - thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu					
	Xây dựng đề án đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2020.	Sở NNPTNT	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2015
2	Xây dựng đề án đầu tư các công trình kiểm soát lũ, ngăn mặn, tiêu úng trên và các công trình để điều tiết, kiểm soát lũ đảm bảo tiêu nước cho các đô thị để huy động nguồn vốn	Sở NNPTNT	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2015

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	đầu tư (ODA, hỗ trợ mục tiêu từ ngân sách TW, ngân sách tỉnh...).				
3	Tập trung đầu tư thực hiện dự án nạo vét chỉnh trị dòng chảy sông Tiền, sông Hậu kết hợp tái định cư các khu dân cư trong vùng có nguy cơ sạt lở.	Sở NNPTNT	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2015
4	Triển khai đầu tư hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản và các dự án thủy lợi vụ sản xuất nông nghiệp đối phó với tình hình biến đổi khí hậu như hiện nay	Sở NNPTNT	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố		2012-2020
5	Xây dựng kế hoạch trung hạn 03 năm 2013-2015 nạo vét các công trình kênh mương, gia cố đê, xây dựng vùng bao và định hướng các năm tiếp theo, từ nguồn vốn bù thủy lợi phí tạo nguồn vay kiên cố hóa kênh mương.....	Sở NNPTNT	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2015
6	Xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở các huyện, thị xã, thành phố, trong đó cần kết hợp với quy hoạch cánh đồng mẫu lớn và quy hoạch thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp An Giang đến năm 2020,	Sở NNPTNT	Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố	Ban hành quyết định	2013-2015
7	Tiếp tục hoàn chỉnh xây dựng các trung tâm sản xuất giống	Sở NNPTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
8	Tiếp tục triển khai đầu tư hoàn thành các công trình phòng chống sạt lở bờ sông	Sở NNPTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
9	Tiếp tục triển khai thực hiện dự án: bảo vệ và phát triển rừng, Trồng cây bảo vệ đê bao sản xuất 03 vụ, Trạm Bảo vệ TV- Khuyến nông - Thú y.	Sở NNPTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
10	Tiếp tục thực hiện đầu tư hệ thống thủy lợi phục vụ Nông nghiệp, phát triển nông thôn vùng Bắc Vàm Nao	Sở NNPTNT	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Kế hoạch triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
11	Mô hình hồ chứa nước vùng khô hạn phục vụ nước sinh hoạt cho dân cư vùng huyện Tri Tôn	Sở NNPTNT	Sở TNMT, Sở KHĐT, Sở TC, UBND các huyện TT, TB	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
12	Tiếp tục đầu tư hệ thống trạm bơm điện phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2013.	Sở NNPTNT	Ủy ban nhân dân huyện	Kế hoạch triển khai	Định kỳ báo cáo ngày 20 hằng tháng
IV	Hạ tầng thông tin - truyền thông				
1	Xây dựng Đề án đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin trong giáo dục để phục vụ cho công tác dạy và học của giáo viên và học sinh các trường, sử dụng từ nguồn Chương trình mục tiêu Quốc gia hằng năm để thực hiện và huy động các nguồn vốn hợp pháp để đầu tư.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Kế hoạch triển khai	2013-2015
2	Tiến hành khảo sát tổng thể các cơ sở y tế, để xây dựng hệ thống mạng WAN từ các Bệnh viện, Trung tâm y tế đến Trung tâm tin học - Sở Thông tin và Truyền thông (Trung tâm dữ liệu) nhằm tích hợp tạo CSDL Bệnh án điện tử của tỉnh, trên cơ sở nghiên cứu công tác ứng dụng Công nghệ thông tin của Bộ Y tế (nếu có).	Sở Y tế	Sở Thông tin Truyền thông	Kế hoạch triển khai	2013-2015

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
3	Dự án xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để kết hợp phần mềm quản lý một cửa tại các sở ngành tỉnh, phân kỳ đầu tư hợp lý phù hợp khả năng cân đối vốn.	Các Sở, ngành liên quan	Sở Thông tin Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Kế hoạch triển khai	2013-2015
4	Tiếp tục triển khai đầu tư đầu tư ứng dụng CNTT tại các Sở Ban, Ngành có trong kế hoạch năm 2013.	Các Sở, ngành liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
5	Tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nâng cấp hệ thống truyền thanh các xã theo lộ trình.	Sở Thông tin Truyền thông	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
6	Triển khai hoàn thành DAĐT quản lý, theo dõi kết quả GQ đơn thư khiếu nại và tố cáo của công dân, để cung cấp các văn bản chỉ đạo điều hành, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và tra cứu tình trạng hồ sơ của người dân và doanh nghiệp	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
7	Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án Trung tâm dữ liệu tỉnh An Giang và Dự án nâng cấp hạ tầng mạng và an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT của các CQNN.	Sở Thông tin Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
8	Hoàn chỉnh hạ tầng cũng như chuẩn bị các điều kiện nhằm tăng cường các cuộc họp cấp tỉnh và cấp huyện bằng họp trực tuyến.	Sở Thông tin Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
9	Hoàn thành lập dự dự án xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành gắn với phần mềm một cửa	Sở Thông tin Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Quyết định phê duyệt	Trước 30/10/2013
10	Xây dựng triển khai thí điểm Đề án ứng dụng chữ ký số trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ tích cực cho việc trao đổi văn bản điện tử	Sở Thông tin Truyền thông	Các Sở Ban, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
11	Tiếp tục bố trí vốn đầu tư Đài PTTH: Trung tâm kỹ thuật PTTH và triển khai thực hiện đầu tư xe truyền hình lưu động HD - 5 Camera	Đài phát thanh truyền hình AG	Sở Thông tin Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
V	Hạ tầng khoa học và công nghệ				
1	Tập trung triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến nông, thủy sản, nhất là các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu ở An Giang.	Sở KH&CN	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch triển khai	2013-2015
2	Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch triển khai, kết quả triển khai	2013-2015
3	Triển khai đầu tư Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh AG, Khu huấn luyện KT SX giống, nuôi cá nước ngọt, đồng thời tranh thủ hỗ trợ trung ương đầu tư Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh AG theo Chương trình quốc gia phát	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Kết quả triển khai	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	triển công nghệ cao theo Quyết định số: 1895/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2012.				
4	Triển khai thực hiện Dự án tăng cường máy móc thiết bị Trạm Quan trắc môi trường vùng biên giới Việt Nam - Campuchia.	Trung tâm QT&KTTN MT	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
5	Triển khai thực hiện Trại thực nghiệm Khoa học Công nghệ (giai đoạn 2)	Trung tâm UDTB KHCN	Các Sở Tài chính, Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
6	Phát triển cây dược liệu quý vùng bẫy núi tỉnh An Giang, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí để thực hiện phát triển cây dược liệu tại 02 huyện Tri Tôn, Tịnh Biên từ nguồn kinh phí Chương trình Nông thôn Miền núi và đồng thời tìm nguồn lực đầu tư theo tinh thần Nghị quyết số 09-NQ/TU.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Kết quả triển khai	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
VI	Hạ tầng tài nguyên - môi trường - công cộng				
1	Xây dựng sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án đầu tư Nhà máy xử lý rác, khu liên hợp xử lý chất thải rắn và các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời trong Chương trình Bảo vệ tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang giai đoạn 2011 - 2015, cần chú trọng đầu tư, nhân rộng xây dựng mô hình xử lý rác thải tại khu vực nông thôn đang triển khai thực hiện đầu tư tại các khu công nghiệp, khu đô thị, các huyện và dân cư, khi triển khai hoàn thành sẽ ngăn chặn, xử lý kịp thời gây ô nhiễm môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch và kết quả triển khai	2013-2015
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Châu Đốc, Long Xuyên	Công ty điện nước	Các Sở, ban, ngành, UBND thị xã, thành phố có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
	Chủ động mời gọi đầu tư từ vốn ODA và các nguồn vốn khác như:				
3	- Nhà máy xử lý rác huyện An Phú	UBND huyện An Phú	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên Môi trường, các Sở, ban, ngành, liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
	- Khu liên hợp xử lý chất thải rắn thành phố Long Xuyên đặt tại xã Bình Hòa - Châu Thành	UBND thành phố Long Xuyên			
	- Đối với Nhà máy xử lý rác liên huyện Phú Tân - thị xã Tân Châu	UBND huyện Phú Tân			
VII	Hạ tầng thương mại				
1	Tiếp tục đề nghị Chính phủ nghiên cứu, bổ sung quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập và chính sách ưu đãi đối với chợ trong khu kinh tế cửa khẩu vào Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả làm việc	Định kỳ ngày 20 hằng quý
2	Sở Công thương tiếp tục quan hệ với Bộ Công thương để triển khai đầu tư các chợ khu vực biên giới (đầu tư 18 chợ biên giới, chợ	Sở Công thương	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã,	Kết quả làm việc	2013-2015

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	cửa khẩu theo Quyết định số: 6077/QĐ-BCT ngày 15/10/2012)		thành phố		
3	Đề xuất, kiến nghị, Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan đàm phán với Campuchia thực hiện mô hình "một cửa - một điểm dừng" tại cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, nhằm tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục, thời gian cho doanh nghiệp hai nước trong quan hệ mua bán, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại giữa hai nước phát triển nhanh hơn nữa trong thời gian tới	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Báo cáo kết quả làm việc	Báo cáo năm (15/12)
VIII	Hạ tầng phát triển đô thị				
1	Xây dựng kế hoạch cụ thể để nâng cấp đô thị theo lộ trình, trong đó cần ưu tiên đầu tư "Dự án đầu tư nâng cấp đô thị thành phố Long Xuyên" từ đó xây dựng Đề án huy động vốn cho đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, để làm việc Bộ Xây dựng, tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ.	Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan		2013-2015 và tầm nhìn đến năm 2020
2	Xây dựng đề án huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị giai đoạn 2009 - 2015; Ưu tiên triển khai các dự án Nhà ở xã hội (Bắc Nguyễn Thái Học, Khu tây Đại học, Khu bắc Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Hòa), Tp.Long Xuyên	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
IX	Hạ tầng Giáo dục - Đào tạo - Day nghề				
1	Hoàn thành công trình trường Đại học An Giang và đồng thời làm việc các Bộ ngành trung ương tranh thủ nguồn vốn đầu tư trang thiết bị mới 78 phòng học thí nghiệm thực hành, để đáp ứng nhu cầu đào tạo theo hướng chuẩn hóa và hiện đại, nâng cao chất lượng đào tạo.	Trường ĐH An Giang	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai dự án và kết quả làm việc	2013-2015, nhìn đến năm 2020
2	Triển khai dự án Nhà ở sinh viên cụm trường bắc TP. Long Xuyên; phần đầu triển khai Nhà ở sinh viên cụm Tây Long Xuyên để đảm bảo đến năm 2020 đáp ứng được 60% nhu cầu nhà ở cho sinh viên.	Sở Xây dựng	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả triển khai dự án	2013-2015
3	Tiếp tục đầu tư dự án Trường Cao đẳng nghề tỉnh (kể cả các dự án nghề đầu tư thiết bị nghề)	Trường Cao đẳng nghề	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
4	Tiếp tục việc triển khai Đề án trường trung học phổ thông Chuyên; Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Trường Phổ thông dân tộc nội trú theo Đề án của trung ương.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả triển khai dự án	2013-2015
5	Theo dõi và đăng ký làm việc với Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hỗ trợ vốn đầu tư Đề án kiến cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2013 - 2015 và lộ trình đến năm 2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả làm việc	2013-2015
6	Căn cứ Quyết định 854/QĐ-BLĐTBXH ngày 06/6/2013 của Bộ Lao động - TBXH, tỉnh An Giang được chọn đầu tư 12 nghề trọng điểm ở 05 trường, đạt chuẩn ở 3 cấp độ (Quốc tế 02 nghề, khu vực 03 nghề, chuẩn quốc gia 07	Sở Lao động Thương binh Xã hội	Các Sở, ngành, Trường Cao đẳng Nghề và UBND huyện, thị xã, thành	Báo cáo kết quả làm việc	2013-2015

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	nghe), các đơn vị liên quan tranh thủ Bộ ngành Trung ương hỗ trợ kinh phí đầu tư		phổ		
7	Kết quả triển khai Đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2010 – 2020, xây dựng kế hoạch đầu tư mới cần ưu tiên đầu tư các điểm trường thuộc 17 xã điểm thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư	2013-2015
8	Hoàn thành Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và UBND huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo tổng kết chương trình.	2013
9	Tổ chức thực hiện kế hoạch dạy và học Tiếng Anh trong trường phổ thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2020	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Báo cáo tiến độ triển khai	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
10	Thực hiện theo QĐ số 102/QĐ-UBND ngày 18/01/2013, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện: + Hướng dẫn theo dõi các TT DN-GDTX tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các TT dạy nghề cấp huyện còn đang dở dang. + Phối hợp các ngành tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh dự án hoặc lập dự án đầu tư các TT DN-GDTX hoặc lập dự án bổ sung các TT DN-GDTX và phân bổ vốn chương trình mục tiêu quốc gia cho TT DN-GDTX hằng năm.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính; Sở Nội vụ và UBND huyện liên quan.	Kết quả thực hiện	Chậm nhất 8/2013
11	Tập trung phân bổ nguồn lực đầu tư thuộc nhóm danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013-2015 và sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án thuộc nhóm danh mục có chủ trương đầu tư	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Kết quả thực hiện	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
12	Triển khai Đề án củng cố phát triển hệ thống trường phổ thông Dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Kế hoạch triển khai; báo cáo tiến độ triển khai	2013-2015
13	Triển khai Đề án "phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tỉnh An Giang từ nay đến năm 2015	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Kế hoạch triển khai; báo cáo tiến độ triển khai	2013-2015
X	Hạ tầng y tế:				
1	Tăng cường đầu tư, nâng cấp hệ thống bệnh viện tỉnh, hình thành các bệnh viện chuyên khoa, hoàn chỉnh mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại và đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư hạ tầng trong lãnh vực y tế.	Sở Y tế	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2020
2	Xây dựng đề án huy động vốn cho đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng y tế (chủ yếu các thiết bị kỹ thuật hiện đại..., để điều trị theo yêu cầu của bệnh nhân), để thực hiện kêu gọi đầu tư.	Sở Y tế	Sở KHĐT, Sở TC		2013-2015
3	Phát triển hạ tầng y tế là nhằm mục tiêu chiến lược bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong y học, công	Sở Y tế	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố		2013-2020

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm				
4	Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh đầu tư xây dựng các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, các trung tâm y tế dự phòng, các phòng khám khu vực và các trạm y tế xã, phường, trong đó ưu tiên các trạm thuộc 17 xã điểm thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới.	Sở Y tế, UBND huyện, thị xã thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
5	Tiếp tục triển khai đầu tư Bệnh viện Đa khoa trung tâm AG (điểm mới); đồng thời cần đầu tư BVĐKTTAG (Điểm cũ): CT phòng mổ-khoa phẫu thuật gây mê hồi sức; Mở rộng khoa đực; CT trại 10- khoa sản thành khoa sơ sinh, để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, trong khi bệnh viện điểm mới chưa hoàn thành	BV ĐK TT AG	Sở Y tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
6	Tiếp tục đầu tư hoàn thành Khu Tim mạch can thiệp - BV Tim mạch AG; Cải tạo mở rộng bệnh viện Mắt-TMH-RHM	Sở Y tế; BV Mắt TMH-RHM	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
7	Sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư các dự án có chủ trương đầu tư đồng thời, lựa chọn những dự án trọng điểm để hoàn chỉnh thủ tục đầu tư triển khai đầu tư vào cuối giai đoạn 2013-2015.	Sở Y tế và UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Kế hoạch triển khai	2013-2015
8	Sở Y tế cần tìm nguồn vốn đầu tư trang thiết bị Bệnh viện Đa khoa trung tâm AG (điểm mới) và Bệnh viện Đa Khoa khu vực Châu Đốc	Sở Y tế	Các Sở, ngành liên quan	Báo cáo kết quả	2013-2015
9	Tăng cường đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống xử lý nước thải y tế, lò đốt rác y tế, chất thải y tế của các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Sở, ngành liên quan và UBND huyện, thị, thành	Báo cáo kết quả	2013-2015 và tiếp tục sau năm 2020
XI	Hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch				
1	Tiếp tục triển khai đầu tư có trọng điểm các công trình thể thao phục vụ Đại hội thể dục thể thao tại tỉnh An Giang, nhằm phát triển phong trào thể dục, thể thao thành tích cao, quần chúng, nâng cao thể trạng, sức khỏe của người dân và tăng cường hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch triển khai	2013-2015
2	Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông đến các khu, điểm du lịch trong tỉnh, để thu hút đầu tư và đáp ứng nhu cầu tham quan cho du khách trong và ngoài nước.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch triển khai	2013-2015
3	Xây dựng kế hoạch huy động vốn cho đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng phục vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch, di tích lịch sử của tỉnh để phát huy thế mạnh và khai thác có hiệu quả tiềm năng của mỗi địa phương các dự án thuộc nhóm danh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư, nhà nước, vay đầu tư và danh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các Sở, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố	Kết quả huy động vốn đầu tư	2013-2015
4	Kế hoạch năm 2013 sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư, tập trung đầu tư các dự án thuộc nhóm danh mục ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thành 2013-2015 và danh mục dự án có chủ trương đầu tư, nhất là:	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tỉnh đoàn TNCSHCM	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và Sở Thông tin Truyền thông	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	- Tập trung đầu tư các khu lưu niệm, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử của tỉnh, các nhà truyền thống, đền thờ, nhà bia tưởng niệm, nhà bảo tàng, nhà truyền thống, các làng nghề truyền thống, các nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh thiếu niên. - Cần tập trung đầu tư các công trình phục vụ cho các hoạt động thi đấu thể thao và thể thao phong trào cấp huyện, thị xã, thành phố; cấp tỉnh và cấp quốc gia, như: Nhà thi đấu thể thao huyện, thị, thành và các hồ bơi 200 chỗ tại thành phố Long Xuyên, 25 chỗ tại các huyện.	và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành liên quan			
5	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch trên cơ sở công trình văn hóa tiêu biểu được chọn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công trình kỷ niệm 40 năm giải phóng Miền Nam.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
6	Triển khai thực hiện hoàn thành các dự án khu du lịch núi Cấm: DA Bãi chôn lấp rác KDL Núi Cấm	Cty PT Du lịch AG	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
7	Tiếp tục triển khai thực hiện CSHT khu du lịch số 2	UBND huyện Thoại Sơn	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Định kỳ ngày 20 hằng tháng
XII	Hạ tầng lao động, thương binh và xã hội				
1	Tiếp tục đầu tư những dự án có trong kế hoạch dự kiến hoàn thành giai đoạn 2013-2015, nhất là dự án Xây dựng nâng cấp phòng học, nhà làm việc Trung tâm Giới thiệu Việc làm An Giang.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội,	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Kế hoạch triển khai	2013-2015
2	Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội (thực hiện hoàn thành dự án TT Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội tỉnh, Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội AG và các chương trình như: Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167, Chương trình Thực hiện Quyết định 74/2008/QĐ-TTg.....	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND huyện, thị xã, thành phố	Báo cáo kết quả triển khai	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
3	Triển khai thực hiện QĐ số 102/QĐ-UBND ngày 18/01/2013, theo chức năng nhiệm vụ phân công.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch triển khai	Báo cáo năm 2013
4	Triển khai đầu tư hoàn thành Bia lưu niệm địa điểm ra mắt MTTD giải phóng	UBMTTQ tỉnh	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính và UBND huyện Tri Tôn	Báo cáo kết quả triển khai	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
XIII	Hạ tầng an ninh - quốc phòng				
1	Lựa chọn một số địa điểm để triển khai trước các khu vực phòng thủ của tỉnh, đồng thời hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư các công trình phòng thủ biên giới, các trạm kiểm soát biển khu vực biên giới, đường tuần tra biên	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, UBND huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch triển khai	2013-2015

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
	giới và đường ra biên giới để có kế hoạch đầu tư năm tiếp theo.	phòng			
2	Sắp xếp, lựa chọn những dự án trọng điểm để hoàn chỉnh thủ tục đầu tư triển khai đầu tư vào cuối giai đoạn 2013-2015, các dự án thuộc nhóm Danh mục sẽ tiếp tục cân đối đầu tư nếu còn nguồn, hoặc đề nghị chuyển sang giai đoạn sau 2013-2015.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bội đội Biên phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Kế hoạch triển khai	2013-2015
3	Triển khai dự án đôn BP cửa khẩu sông Tiền 925 (Vĩnh Xương)	Bộ Chỉ huy Bội đội Biên phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
4	Cần hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư các công trình phòng thủ biên giới, các trạm kiểm soát khu vực biên giới để có kế hoạch đầu tư năm tiếp theo và các công trình quân sự phục vụ nhân dân	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bội đội Biên phòng	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Quyết định phê duyệt dự án	Chậm nhất 30/10/2013
XIV	Trụ sở làm việc các cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể				
1	Tiếp tục rà soát nhu cầu các vốn còn lại các Trụ sở cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã hiện đang triển khai thực hiện và ưu tiên đầu tư các Trụ sở xã thuộc 17 xã nông thôn mới.	Các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Báo cáo kết quả triển khai.	Báo cáo định kỳ ngày 20 hằng tháng
2	Sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư Trụ sở cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện hiện nay còn sử dụng tạm cơ sở cũ, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa bảo đảm đủ diện tích nơi làm việc theo quy định	Các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, Sở Xây dựng và Sở Nội vụ	Kế hoạch triển khai	2013-2015
XV	Công tác kiểm tra, giám sát, xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị				
1	Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công được UBND tỉnh phê duyệt, từng Sở ngành và UBND các huyện, thị, thành xây dựng kế hoạch riêng để triển khai thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp	Các Sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Kế hoạch triển khai các Sở, Ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chậm nhất, sau 01 tuần khi kế hoạch được ban hành
2	Tổ chức hội nghị mô hình triển khai dự án đầu tư theo hình thức PPP	Ban Chỉ đạo và Tổ Chuyên viên giúp việc	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Thảo luận trao đổi	Thực hiện quý IV
3	Định kỳ tổ chức hội nghị tổng kết năm 2013, đề xuất nhiệm vụ năm 2014 và tổng kết chương trình cuối năm 2015	Ban Chỉ đạo và Tổ Chuyên viên giúp việc	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, có liên quan	Thông báo kết luận của Ban chỉ đạo chương trình	

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã thành phố cần xây dựng kế hoạch riêng của từng ngành để triển khai thực hiện (kế hoạch triển khai bám sát vào mục tiêu còn lại chương trình chưa đạt được và danh mục đầu tư bám sát 05 nhóm danh mục kèm theo kế hoạch triển khai và phải sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư) và gửi kế hoạch về Thường trực Ban chỉ đạo chương trình tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ nhiệm vụ cụ thể được phân công các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Đối với việc xây dựng các đề án và các quy hoạch phát triển ngành, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nếu có liên quan đến sử dụng nguồn vốn ngân sách để thực hiện thì phải gửi đến cơ quan chuyên môn có ý kiến trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định và tổ chức triển khai thực hiện.

Ngoài ra đề nghị các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu thực hiện các giải pháp thực hiện theo Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; định kỳ hằng quý gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các Sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ của ngành phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết năm 2013, kế hoạch trung hạn 2013-2015, hoạch định thời gian cụ thể để phấn đấu thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh kế hoạch các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.



Võ Anh Kiệt

**TỔNG HỢP SAU RÀ SOÁT
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2011-2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

(Đính kèm Quyết định số: 1768/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Đanh mục công trình	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng 5 năm 2011-2015	Thực hiện năm 2011	Thực hiện năm 2012	Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng 3 năm 2013 - 2015										Số lượng dự án
						Tổng số	Chia theo nguồn vốn								Cơ cấu nguồn vốn (%)	
							TW đầu tư trên địa bàn	Trái phiếu Chính phủ	TW hỗ trợ có mục tiêu	ODA	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Vốn tín dụng nhà nước	Vốn doanh nghiệp đầu tư		
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
TỔNG CỘNG		59.576.680	56.164.019	1.402.494	1.592.023	53.169.502	17.288.131	892.852	6.858.217	3.443.902	7.290.886	1.803.992	1.186.342	14.418.597	100,00	414
Cơ cấu nguồn vốn (%)						100,00	32,52	1,68	12,90	6,48	13,71	3,39	2,23	27,12		
Đanh mục Dự án TW đầu tư trên địa bàn		16.238.891	18.402.885	997.705	254.911	17.150.269	17.150.269	0	0	0	0	0	0	0	32,26	7
Đanh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015		15.497.465	13.194.170	1.067.024	2.699.006	9.428.140	0	892.852	2.349.543	1.735.935	4.115.300	91.383	36.142	206.985	17,73	150
Đanh mục dự án có chủ trương đầu tư đến 2015		7.161.942	6.018.376	0	40.600	5.977.776	0	0	3.165.708	706.544	1.693.125	70.264	0	342.135	11,24	68
Đanh mục dự án đầu tư: BOT, BT, PPP		11.946.819	11.895.171			11.895.171	20.000	0	1.342.966	1.001.423	1.107.341	1.583.345	1.090.200	5.749.896	22,37	110
Đanh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư		8.731.563	8.731.563			8.731.563	117.862	0	0	0	375.120	59.000	60.000	8.119.581	16,42	79
I	HẠ TẦNG KỸ THUẬT	45.385.283	44.534.128	643.556	810.551	43.080.021	17.160.269	610.244	5.989.820	2.663.333	3.502.620	1.692.283	1.126.342	10.335.110	81,02	261
1	Hệ thống Giao thông	24.736.118	25.567.092	175.983	360.677	25.030.432	17.003.069	0	2.072.956	675.034	1.955.520	1.546.174	500.000	1.277.659	47,08	35
2	Công nghiệp - Điện - Nước	2.994.204	2.925.580	21.293	36.466	2.867.821	10.000	0	65.000	100.000	130.862	18.264	52.000	2.491.695	5,39	58
3	Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản	3.998.858	2.796.344	424.633	336.071	2.035.640	147.200	610.244	621.594	315.818	292.375	0	36.142	12.267	3,83	20
4	Khoa học - Công nghệ và Thông tin TT	672.685	610.600	13.861	29.536	567.203	0	0	4.000	17.500	376.203	50.000	0	119.500	1,07	20
5	Tài nguyên - Môi trường - Công cộng	8.596.051	8.301.145	7.786	2.230	8.291.129	0	0	2.590.200	1.554.961	636.352	1.845	123.000	3.384.771	15,59	38
6	Thương mại - Dịch vụ	4.387.367	4.333.367	0	45.571	4.287.796	0	0	636.070	0	111.308	76.000	415.200	3.049.218	8,06	90
II	HẠ TẦNG PHÚC LỢI XÃ HỘI	14.191.397	11.629.891	758.938	781.472	10.809.481	127.862	282.608	868.397	780.569	3.788.266	111.709	60.000	4.083.487	18,98	153
1	Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề	3.948.544	2.634.421	376.849	436.695	1.820.877	0	29.521	192.481	127.864	1.431.011	0	0	40.000	3,42	46
2	Y tế	3.977.444	2.951.099	341.679	203.247	2.406.173	0	253.087	362.747	652.705	1.122.504	15.130	0	0	4,53	33
3	Văn hóa, thể thao và Du lịch	5.089.671	5.057.348	22.552	60.888	4.973.908	127.862	0	56.042	0	605.355	94.579	60.000	4.043.487	9,35	38
4	Lao động, Thương binh và Xã hội	99.440	72.234	13.033	18.500	40.701	0	0	14.000	0	24.701	2.000	0	0	0,08	4
5	An ninh Quốc phòng	613.097	493.069	4.825	40.000	448.244	0	0	169.824	0	278.420	0	0	0	0,84	16
6	Quản lý nhà nước Đảng đoàn thể	463.201	421.720	0	22.142	399.578	0	0	73.303	0	326.275	0	0	0	0,75	16

**DANH MỤC SAU RÀ SOÁT DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2011-2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

(Đính kèm Quyết định số: 1768/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Đanh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Hạng mục chính số	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Thực hiện từ 01/01 đến cuối năm 2011	Thực hiện 3 năm 2011-2013			Năm của vốn đầu tư từ năm 2013-2015 (Tỷ đồng)										TB: KH NGDN năm 2013	Ghi chú	
						Tổng cộng	Thực hiện năm 2011	Thực hiện năm 2012	Tổng số	Chi trả											
										TW đầu tư trên địa bàn	Trải phần Chính phủ	TW hỗ trợ có mục tiêu	ODA	Nguồn sách cấp tỉnh	Nguồn sách cấp huyện	Vốn thu nhập xã khác	Vốn doanh nghiệp đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
TỔNG CỘNG																					
A	Đanh mục Dự án TW đầu tư trên địa bàn			59.876.686	2.864.729	3.994.817	1.482.494	1.592.823	53.169.982	17.288.131	892.852	6.858.217	3.443.982	7.290.886	1.003.992	1.186.342	14.418.397	1.371.391			
B	Đanh mục dự án chuyển tiếp 2011-2015			16.238.891	997.780	254.911	141.332	113.579	17.158.269	17.158.269	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
C	Đanh mục dự án có chủ trương đầu tư đến 2015			15.497.465	1.867.824	2.699.886	1.344.842	1.482.944	9.428.140		892.852	2.349.543	1.738.935	4.115.388	91.383	36.142	286.983	1.371.391			
D	Đanh mục dự án đầu tư: BOT, BT, PPP			7.161.942	0	48.688	15.188	25.988	5.977.774			3.165.788	786.544	1.693.128	78.264		342.135				
B	Đanh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư			11.946.819	0	0	0	0	11.898.171	28.000	1.342.944	1.881.423	1.897.341	1.583.345	1.698.288	5.749.894	0				
B	Đanh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư			8.731.563	0	0	0	0	8.731.563	117.842				378.126	88.000	68.000	8.119.581				
A	Đanh mục Dự án TW đầu tư trên địa bàn			16.238.891	997.780	254.911	141.332	113.579	17.158.269	17.158.269	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
B	Đanh mục dự án chuyển tiếp 2011-2015			8.785.245	336.142	1.128.296	487.124	571.473	5.774.298	0	618.244	1.998.985	1.286.871	1.647.717	46.174	36.142	166.983	489.943			
C	Đanh mục dự án có chủ trương đầu tư đến 2015			4.285.114	0	48.688	15.188	25.988	4.231.869	0	2.471.389	488.839	743.563	48.264	0	342.135	0				
D	Đanh mục dự án đầu tư: BOT, BT, PPP			18.486.953	0	0	0	0	18.357.285	18.000	0	1.327.566	1.881.423	1.891.341	1.577.845	1.698.288	4.258.934	0			
B	Đanh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư			3.567.969	0	0	0	0	3.567.868	0	0	0	0	0	0	0	3.567.868	0			
A	Đanh mục Dự án TW đầu tư trên địa bàn			15.764.542	734.299	288.988	188.888	188.988	17.883.869	17.883.869	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
B	Hệ thống đường TW đầu tư và XD mới			15.764.542	734.299	288.988	188.888	188.988	17.883.869	17.883.869	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Sân bay An Giang (QH đầu năm 2020 và định hướng đầu năm 2030)	CT	Nhà 2020 Cấp X, gồm: 1 đường chụ lư hành 1.820m/Chụ, sân 10m 2 máy bay ATR72, Sân Khách, Qy, CT hàng... (Đinh số 231/04)	3.417.000	0	600	600	1.481.000	1.481.000												
2	Quốc lộ 91 (Nguyễn Trung Trực - Châu Đốc và Châu Đốc - Tịnh Biên)	LX-CT-CP-NB-TB	Xây mới dự án đ. đầu tư, nâng cấp đoạn CD - TB, cầu Cây Thương	1.585.507	724.299	200.388	100.000	100.388	4.883.139	4.883.139											
3	Quốc lộ 91C (Hàng cấp 10 Đường tỉnh 956)	CD-AP	25,3 km	718.000	0	0	0	710.000	710.000												
4	Cầu Văn Chương - Đoạn tuyến nối QL91 và tuyến tránh tp L Xuyên	LX	21,42km, 20 cầu BTƯT, 3 cầu tạm, 79 công	3.227.750	0	0	0	3.227.750	3.227.750												
5	Tuyến N1 (Cầu bắc qua sông Hậu, cầu Tân Châu bắc qua sông Tôlé, xây dựng tuyến Tân Châu - Châu Đốc)	TC-CD		6.000.000	0	0	0	5.877.073	5.877.875												
6	Cầu Long Bình	AP		624.105	0	0	0	624.105	624.105												
7	Cảng Tân Châu (vốn WB 5)	Tân Châu		200.000	0	0	0	200.000	200.000												
B	Đanh mục dự án chuyển tiếp 2011-2015			3.978.786	113.736	335.472	75.983	239.489	2.885.941	0	0	1.842.956	178.884	821.777	46.174	0	0	195.748			
B	Hệ thống đường tỉnh:			2.318.336	84.838	282.443	74.988	287.854	1.999.296	0	0	778.827	178.884	461.315	0	0	0	189.342			
1	Đường tỉnh 941		20,888 km	778.755	35.210	110.290	45.742	64.534	537.851			177.473	175.054	183.322				28.342			
	- Cải tạo nâng cấp mặt đường và kỹ thuật	CT-TT	39 km	254.985	16.133	50.633	22.313	28.300	188.199			128.647		59.552				23.342			
	- Xây dựng cầu số 11	TT	388m	121.778	0	0	0	121.778						121.778							
	- Xây dựng cầu Mương Chùa	CT	12,8m	4.000	0	0	0	4.000						4.000							
	- Dự án WB5: 13 cầu + kè	CT-TT		398.000	31.518	59.643	23.389	36.254	223.882			48.828	175.054					5.000			
2	Đường tỉnh 942			90.900	12.266	6.400	6.400	0	72.500			40.000	0	72.500							
	- Cầu Ông Chưởng - P. Thôn Giang	CM	1,6km	60.000	0	0	0	0	60.000			40.000		20.000							
	- Cầu Cầu Tàu Thương	CM	26,14m	30.900	12.266	6.400	6.400	0	12.500					12.500					12.500		

STT	Danh mục công trình	Địa điểm đầu tư	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Thập niên 2 năm 2011-2012					Năm của vốn đầu tư từ năm 2013-2015 (Tỷ đồng)										Yêu cầu vốn đầu tư 2013	Chú thích
					Thập niên 10 SC đầu tư 2010	Tổng cộng	Thập niên năm 2011	Thập niên năm 2012	Tổng số	Chức vụ											
										TW đầu tư trên địa bàn	Tư nhân Chính phủ	TW hỗ trợ của nước ngoài	ODA	Nguồn vốn cấp tỉnh	Nguồn vốn cấp huyện	Vốn cho doanh nghiệp	Vốn doanh nghiệp đầu tư				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10-11+ +18	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
3	Đường tỉnh 943			464.219	45.848	90.623	20.623	70.000	327.748						327.748						
	- Đoạn từ Phú Hòa - Thuận Giang	TS	180x4 km	125.000	45.848	90.623	20.623	70.000	188.529						188.529				60.000		
	- Nâng cấp tuyến Tân Thuận - Sóc Trích	TT	30km	30.000		0			30.000						30.000						
	- Cầu số 9, 10, 11, 12	TT	12km/đèo	45.919		0			45.919						45.919						
	- Cầu Núi Chóc	TS	80 m	45.900		0			45.900						45.900						
	- Cầu Núi Nhỏ	TS	33 m	3.000		0			3.000						3.000						
	- Cầu bê tông Dính Thành	TS	30m	14.400		0			14.400						14.400						
4	ĐT 956: Công Hương Chi, cầu Đỉnh, sông Tân Xôn	AP		22.157	706	5.134	2.134	3.000	16.217				8.517		8.000				8.000		
5	Nâng cấp mở rộng ĐT 957 thuộc tuyến đường tuần tra biên giới xã huyện cầu hồ, cầu sọt và đê bao ngày 10	AP	10,322 m	962.215	0	70.000		70.000	644.980				547.235		97.745				73.800		
6	Cầu Tân An	TC		485.890	1.600	40.000		40.000	344.929				260.929		75.000				46.000		
7	Cầu Phú Hòa (qua sông Bình Di)	AP	147,1ha 4,30km, 16 km	26.572	373	1.062	4	1.058	25.133						25.133				6.000		
8	Cầu nối xã Vĩnh Châu - Ô Long VT	CH, CP	50,3m	6.971	0	0			6.971						6.971				6.600		
9	Đường bê tông Nồng - Đoạn từ Phú Long	PT	2.718 m	31.242	564	8.000		8.000	22.678						22.678				5.000		
10	Đường cốt thép vào cụm CN An Phú	AP	897,6m	4.998	0	3.000		3.000	1.998						1.998				1.896		
11	Đường dẫn cầu Ông Chưởng	CH	2.378 m 1m 14m	70.574	0	0			68.274						22.400	46.174			12.000		
12	Đường QTTT dân TT xã Ô Long VI	CP		24.223	17.167	1.148	1.071	77	7.056						7.056				4.710		
13	Đường Lành, xã An Hòa	TS		4.935	0	0			4.935						4.935				2.000		
14	Đường Đông Phú Cường	TS		4.935	0	0			4.940						4.940				2.200		
C	Đanh mục dự án có chủ trương đầu tư đến 2015			66.118	0	0	0	0	66.118	0	0	0	0	0	66.118	0	0	0	0		
1	Cầu bắc qua kênh Vĩnh Tế	CD		3.000					3.000						3.000						
2	Bãi phủ Mương Rank: BH	CT		2.400					2.400						2.400						
3	ĐT 954: Cầu Chà Tắc	PT		10.861					10.861						10.861						
4	03 cầu đường Nam cây Dương: Kênh 13, 14 và 15	CP		13.857					13.857						13.857						
5	Đường Ung Văn Khảm nối dài	LX		36.000					36.000						36.000						
D	Đanh mục dự án đầu tư BOT, BT, PPP			5.811.433	0	0	0	0	5.799.784	0	0	0	1.834.000	300.000	1.867.428	1.500.000	500.000	1.162.159	0		
1	Đường tỉnh 948	TS	34 km đường, 04 cầu	321.825					321.825						11.823				210.000		
2	Đường tỉnh 943			289.025	0	0	0	0	289.025	0	0	0	0	55.800	0	0	233.225	0			
	- Nâng cấp đoạn từ ngã ba đường số 1 đến cầu Phú Hòa	LX	1,7km	136.000					136.000						40.800				95.200		
	- Cầu Phú Hòa	TS	77m	45.929					45.929					15.000					30.929		
	- Cầu B.Lãng, M.Điền, M.Chai xã, Mương Lạng	LX	31m	21.079					21.079										21.079		
	- Cầu Mương Trào	TS	35m	11.842					11.842										11.842		
	- Cầu bê tông H	TS	46m	16.455					16.455										16.455		
	- Cầu bê tông Ông Cù	TS	30m	21.000					21.000										21.000		
	- Cầu bê tông G	TS	36 m	18.720					18.720										18.720		
	- Cầu bê tông E	TS	23m	18.000					18.000										18.000		
	- Cầu bê tông D	CH	11km	129.123					77.475										77.475		
3	Đường tỉnh 944 (An Hòa - Cụm 140)	CH		71.459					71.459				30.000						41.459		
4	Nâng cấp mở rộng tuyến Thuận Giang - Xi Diển	TS	10,32km 02 cầu + 01 công + cầu tạm	5.000.000					3.000.000				1.000.000	500.000	1.000.000	1.500.000	500.000	500.000	500.000		
D	Đanh mục dự án dự doanh nghiệp đầu tư			118.986	0	0	0	0	118.986	0	0	0	0	0	118,986	0	0	0	0		
1	Bãi sa Long Xuyên	LX	3 ha	70.000					70.000										70.000		
2	Bãi sa Tân Châu	TC		35.000					35.000										35.000		
3	Bãi sa Vĩnh Xương	TC		18.500					18.500										18.500		

STT	Danh mục công trình	Hạng đầu tư	Hạng mục thiết kế	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thập niên từ KC đầu cuối 2010	Thập niên 2 năm 2011-2012			Năm chi vãng số từ 02 năm 2013-2015 (Triệu đồng)							TP: KPI NEXON năm 2013	Ghi chú		
						Tổng cộng	Thập niên năm 2011	Thập niên năm 2012	Tổng số	Chi trả									
										TW đầu tư trên địa bàn	Trái phiếu Chính phủ	TW hỗ trợ xã mức đầu	ODA	Nguồn vốn cấp tỉnh	Nguồn vốn cấp huyện			Vốn chi dụng khác	Vốn doanh nghiệp đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A	Danh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015			106.429	36.499	17.199	4.193	18.964	64.271	0	0	0	0	64.271	0	0	0	22.598	
1	Khu công nghiệp Bình Hòa (mở rộng)	Chiều dài	108 ha	84.129	13.618	17.199	6.193	10.960	53.332					53.332				17.800	
	- Hàng rào			14.118	111	10.466		10.466	3.541					3.541				2.800	
	- Đường nối KCN Bình Hòa đến xã Hòa (tổ chức lại)	CT	0m	20.011	13.507	6.093	6.193	500	49.811					49.811				15.000	
	Các cụm công nghiệp, nhà trọ công nghiệp, YD từ 2012-2015:	Thích	1 phường, 6 xã (19,21ha)	22.500	6.881	0			10.919	0	0	0	0	10.919	0	0	0	4.700	
	Cụm CN-TTCN Tân Trung	PT	19,8ha	12.500	6.881	0			3.919					3.919				1.700	
	Cụm CN-TTCN Tân Châu			10.000	0	0			7.000					7.000				3.000	
B	Danh mục dự án cơ sở trường dân từ đầu 2015			429.815	0	48.689	15.188	25.988	545.794	0	0	65.000	108.000	62.391	18.364	0	308.135	0	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, trong đó:			148.041	0	48.689	15.188	25.988	36.814	0	0	0	0	37.183	18.364	0	0	0	
	Hệ thống cấp nước 17 xã Nông thôn mới			94.390		40.600	15.100	25.500	37.752					37.752					
	Hệ thống cấp điện 17 xã Nông thôn mới			45.651		0	0	0	18.264					18.264					
2	Cụm công nghiệp Tân Trung	PT		14.639	0	0	0	0	14.639					14.639					
3	Cụm công nghiệp Tây Hải	LX	33,2 ha	248.568					248.568			5.000		5.000				238.568	
4	Cụm công nghiệp Vĩnh Mỹ	CB	16,47 ha	71.567					71.567			5.000		5.000				61.567	
5	Mở rộng Hệ thống cấp nước Bình Đức	Long Xuyên	34.000ha, Ngự	155.000					155.000			55.000	100.000						
C	Danh mục dự án đầu tư: BOT, BT, PPP			238.000	0	0	0	238.000	18.000	0	0	0	4.200	0	52.800	171.800	0		
1	Nhà ở công nhân KCN Bình Hòa	Chiều dài	1,8 ha	224.000					224.000				4.200		50.000	169.800			
2	Xây dựng hệ thống cấp nước nông thôn	TT	1000ha/đường	14.000					14.000	10.000					2.000	2.000			
D	Danh mục dự án cơ sở doanh nghiệp đầu tư			2.819.748	0	0	0	2.819.748	0	0	0	0	0	0	0	2.819.748	0		
1	Lô 8 22xV trên 110kV Long Xuyên, An Phú, Tân Châu, Chợ Mới, Thới Sơn, Tịnh Biên, Châu Đốc	10k AG	128 km	28.860					28.860							28.860			
2	Xây dựng nhà máy nhiệt điện	AP	1200 MW (Cụm CN-TTCN)	180.000					180.000							180.000			
3	Cấp điện các KCN, CN/TDC vượt lĩ	Thích	77km	69.908					69.900							69.900			
4	Dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản	AP	4 ha	100.000					100.000							100.000			
5	Kho bảo quản và chế biến lương thực	TC, TT	03 thị trấn (tổng mức 30000 tấn/năm)	53.000					53.000							53.000			
6	Nhà chế biến lương thực, kho trữ lương thực	Thích	07 nhà máy (Tổng mức 30000 tấn/năm)	145.000					145.000							145.000			
7	Nhà chế biến thủy sản, thức ăn gia súc, thủy sản	LX/TC, CT, AP	07 nhà máy	363.000					363.000							363.000			
8	Nhà chế biến rau quả đông lạnh xuất khẩu	Thích	03 nhà máy	300.000					300.000							300.000			
9	Nhà máy sản xuất hóa chất	Thích	04 nhà máy	260.000					260.000							260.000			
10	Nhà máy, nhà xưởng SX máy cơ khí trong nông nghiệp	Thích, Cụm công nghiệp	04 nhà máy	132.000					132.000							132.000			
11	Phần xưởng máy xây dựng khác, dụng cụ TĐTT	Thích	17 phần xưởng	350.000					350.000							350.000			
12	Nhà máy xay xát lúa bông gạo	AP	03 nhà máy (6,4 ha)	38.000					38.000							38.000			
A	Danh mục Dự án TW đầu tư trên địa bàn			474.529	273.486	53.923	41.332	12.891	147.288	147.288	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Dự án Kênh Trĩ Sư - Trĩ Yên	CB-TB-TT		474.529	273.486	53.923	41.332	12.891	147.200	147.200									
B	Danh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015			3.338.899	125.824	796.781	383.201	323.486	1.682.148	0	618.344	599.188	52.887	599.378	0	34.143	12.547	88.598	
1	Kế hoạch Hòa bình và lâu tục Thủ ủy Án Giang (đơn vị CLB - Hòa Trì của cựu Nguyễn Trung Trực)	Mỹ Bình	1A/0m	213.547	36.791				176.756					176.756				18.000	

STT	Đánh mục công trình	Bộ phận đầu tư	Hạng mục chính	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Thực hiện 2 năm 2013-2015					Như chi vốn đầu tư từ năm 2013-2015 (Tỷ đồng)								TĐ: KCI NDRM năm 2013	Chi chi	
					Thực hiện từ 01/01 đến cuối năm 2013	Tổng cộng	Thực hiện năm 2011	Thực hiện năm 2012	Tổng số	Chiến lược										
										TW đầu tư trên địa bàn	Trải phân bổ Chính phủ	TW hỗ trợ xã hội	ODA	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Vốn ưu đãi nhà nước	Vốn doanh nghiệp đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19	
2	Kết cấu hệ số 10 bộ công Trình bảo vệ biên giới và cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương	Tân Châu	Bảo vệ biên giới	112.663	62.209	35.000		35.000	15.454			15.454							10.500	
3	Khu tái định cư tại xã CS, huyện Vĩnh Xương	TC	7.950 ha	34.432	14.344	4.000		6.000	14.188			2.102		12.083					3.500	
4	Kết cấu hệ số 10 công Trình bảo vệ TT Phú Mỹ	Phước Tân	1.600ha	313.243	-	20.000		20.000	93.343			83.343		10.000					4.000	
5	Dự án đầu tư khắc phục nạn lũ cho khu vực Hiệp, phường Bình Đức, TP Long Xuyên	LX	Bảo vệ CNTT	400.000		50.000		50.000	350.000			300.000		50.000						
6	Kết cấu hệ số 10 bảo vệ thị trấn Long Bình - Sông Bình Di	AP	1.472,3ha	95.338	-	1.096		1.096	94.242			66.454		27.788					2.000	
7	Hệ thống xử lý nước (25 ml chuyển tiếp vào TPCT)	Đất Đu, Ô Tô An, Thành Long, Ô Tô Bình, C			258.518	0	168.472	102.472	66.000	68.971		68.971								
8	Dự án kết cấu hệ số 10 bảo vệ TT Tân Châu (gđ 2)	Tân Châu	Bảo vệ CNTT	213.285	0	199.207	172.895	26.312	14.128											
9	Nâng cấp hệ thống Bình Thuận (cơ số 1+2+3)	AD		85.361	142	34.000	24.000	10.000	51.219			51.219							17.208	
10	Thủy lợi phục vụ NN, phục vụ nông thôn vùng Bắc Văn Nho (WB6) Huyện 2	PT, TC	133 xã nông, 130,13 Km 4	176.002	789	36.658	4.882	31.776	176.002	0	0	63.319	52.807	12.267	0	36.142	12.267	17.200	14.200	
	- Hợp phần 2: HT thủy lợi phục vụ H.Nghiệp			47.000		31.848	3.289	28.559	47.000			47.000								
	- Hợp phần 3: Cấp nước và vệ sinh nông thôn			129.002		4.810	1.593	3.217	129.002	0	0	16.319	52.007	12.267	0	36.142	12.267	3.000		
11	Khu bảo tồn các loài thủy sản rừng Trại sư	TP		19.327	460	1.733	328	1.425	17.214			17.214							5.000	
12	Trạm Bảo vệ TV- Khảo sát sông - Thủy y TCHâu	TC		4.678	0	1.200		1.200	3.478					3.478					3.100	
13	Dự án thủy lợi PVNTTS gần sông Tiền - xã Hộ		361 ha	47.533	11.180	0		4.000			4.000									
14	Hoàn thiện kênh Bàu Xi Gò 2	Áp-hà-Tân		54.372	0	52.471	45.471	7.000	1.901			1.901								
15	Dự án Kiểm soát ô nhiễm môi trường Văn Nho	CM	38,7ha công 220 các đê bao 279 ha, sau xử kênh 132 ha, HT GT thủy lợi 342, các kênh 17, 04	1.209.430	0	100.924	33.253	67.671	521.244			521.244								
C	Đánh mục dự án cơ chế trường đầu tư đến 2015			286.308	0	0	0	0	286.308	0	0	22.489	263.811	0	0	0	0	0	0	
1	HT thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu huyện Trại Sư và huyện Trại Sư	TT-TB		286.308					286.308			22.489	263.811							
A	Đánh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015			434.485	44.430	43.397	13.861	29.534	329.203	0	0	0	0	329.203	0	0	0	0	96.427	
1	Dự án Trung tâm công nghệ sinh học	CT		280.580					280.580					280.580					68.000	
2	Dự án tăng cường máy móc thiết bị Trạm Quan trắc môi trường vùng biên giới Việt Nam - Campuchia			4.194					4.194					4.194					3.000	
3	Dự án ứng dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin trong ứng dụng CNTT của các QLN	Tân Bình		7.000	0	1.800		1.800	6.000					6.000					3.000	
4	Dự án Trung tâm dữ liệu tỉnh An Giang	LX		19.487	0	190		190	19.297					19.297					2.100	
5	ĐA ứng dụng CNTT trong giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình 1 cửa tại SĐ KH&CN	LX		1.855	0	0		0	1.855					1.855					1.640	
6	Ứng dụng CNTT trong giải quyết TTNC tại các đơn vị trực thuộc Sở NN và	LX		4.461	776	1.636	1.636		2.049					2.049					1.870	
7	Trình khai phần mềm VP (đơn vị) kết nối liên thông với các cơ quan QLNN trên địa bàn tỉnh			1.800	0	0			1.800					1.800					1.637	
8	DABT quốc tế, theo dõi kết quả QĐ đơn thư khiếu nại và tố cáo của công dân			2.499	0	0			2.499					2.499					1.754	
9	ĐA ứng dụng CNTT trong công tác điều hành quản lý của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh			1.929	0	0			1.929					1.929					1.836	
10	Bài PTTN Trung tâm xử lý PTTN	LX	17.660ha	110.880	43.659	40.371	12.225	28.146	9.000					9.000					5.500	
B	Đánh mục dự án cơ chế trường đầu tư đến 2015			118.580	0	0	0	0	118.580	0	0	4.000	17.580	47.000	56.000	0	0	0	0	
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành quản lý của Hội liên hiệp phụ nữ			2.000					2.000					2.000					1.000	
2	Nâng cấp PTTN quốc tế 1 cửa kết hợp ứng dụng các CS dữ liệu chuyển đổi công nghệ và số TTT nghiệp vụ kết cấu	LX		4.500					4.500					4.500						

STT	Đanh mục công trình	Mã danh mục đầu tư	Mã hạng mục chính	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thực hiện ở KC đầu tư	Thuyết minh 1 năm 2011-2011			Phân chi vốn đầu tư 03 năm 2013-2015 (Triệu đồng)								TB: KH NHHH năm 2013	Chi chi	
						Tổng cộng	Thực hiện năm 2011	Thực hiện năm 2012	Tổng số	Chiến 13									
										TW đầu tư trên địa bàn	Trái phiếu Chính phủ	TW hỗ trợ có mục tiêu	ODA	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách tập huyện	Vốn tín dụng nhà nước			Vốn doanh nghiệp đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19
3	Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Giao thông vận tải để làm hợp phần quản lý một cửa từ Bộ GTVT	LX		2.000										2.000					
4	Xe Truyền hình lưu động 5 camera	LX	20 camera	36.000					36.000					36.000					
5	Chương trình đưa thông tin về nông thôn	Tân tinh		4.000					4.000				3.500	500					
6	Dự án phổ cập tin học trong ngành giáo dục đào tạo	Tân tinh		20.000					20.000			4.000	14.000	2.000					
7	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin tại huyện.	TB		50.000					50.000							50.000			
C	Đanh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư			119.500					119.500									119.500	
1	Dự án đầu tư cơ sở vật chất liên vực công nghệ thông tin (Nhà và hệ thống mạng LAN để cho thuê)	CT,LX		50.000					50.000									50.000	
2	Các công trình hệ thống bưu chính	TB, TY		12.000					12.000									12.000	
3	Các công trình viễn thông	TB, TY		57.500					57.500									57.500	
A	Đanh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015			1.733.960	25.648	16.816	7.796	2.236	1.645.863			284.658	1.679.619	131.983				34.088	
1	HT thiết kế nước và xử lý nước thải TXCB	CB	200ha/khu	311.093	20.828	3.553	2.123	1.430	270.754			91.543	179.212					3.000	
2	HT thiết kế nước và xử lý nước TP Long Xuyên	LX	30000 m3/ngày	1.141.048	716	791	991	200	939.541			100.833	781.106	57.602				5.000	TW năm 2014: 200.000
3	CSHT, hệ chính nước và hệ TP PV người Khơme	TB	23.710m2	14.825	4.427	2.648	2.048	600	7.750					7.750				3.000	
4	Mô hình hệ chính nước vùng hồ Nam Phước và nước sinh hoạt cho đầu tư vùng huyện Trì Tân	TY		89.315	100	0			89.315			20.623	68.692					20.000	
5	Mô hình hệ chính nước khu vực địa lịch Núi Cấm	TB		13.978	377	3.022	3.022	10.579				4.200		6.379				1.000	
6	Chương trình 193: Tuyến dẫn cư Phú Hiệp - Hòa Lạc	PT	19,48 ha	163.704					127.104			66.852		60.252					
B	Đanh mục dự án cơ chế trường đầu tư đầu 2015			2.819.381					2.819.381			2.368.088	24.534	494.853					
1	HT xử lý nước thải CN Bình Long	CP		41.000					25.000					25.000					
2	Dự án Chính trị đồng chí nhân lực chế tạo lò, bồn và đồ thí thành phố Long Xuyên thích ứng với biến đổi khí hậu	LX		2.400.000					2.400.000			2.000.000		400.000					
	Trong đó: Tiêu Dự án Kế hoạch ứng xử lũ lụt vực phường Bình Khánh	LX	1.000 m	340.403					340.403			300.000		40.403					
3	Hệ thống khu liên hợp xử lý chất thải rắn An Giang	CT		23.000					23.000					23.000					
	Ba (2) Dự án ODA do Thủy Điện chi trợ:			30.978	0	0	0	0	30.978	0	0	0	24.528	6.450	0	0	0	0	0
4	Nâng cao năng lực xây dựng dự án	LX		4.200					4.200				4.200						
5	An Giang và Kiên Giang đồng liên vùng	LX		5.175					5.175				4.713	450					
6	ĐA hợp tác và hiệu quả năng lượng và năng lượng tái tạo giữa Việt Nam và Thái Lan	LX		21.603					21.603				15.603	6.000					
C	Đanh mục dự án đầu tư: BOT, BT, PPP			1.774.685					1.774.685			6.198	881.423	9.516	1.845	133.008	1.133.471		
1	Đầu tư nhà máy xử lý rác tập trung. CSHT khu liên hợp xử lý chất thải rắn	CT, CĐ,KT,TR,T	03 nhà máy, 02 CSHT	1.476.105					1.476.105				340.923	3.941		12.500	1.118.741		
2	Hệ thống xử lý nước thải TDC Vĩnh an (4 cụm)	TB	1 HT	6.000					6.000			3.000		900			600		
3	Hệ thống xử lý nước thải TT TM, chợ cũ, khu dân cư	CT	09 hệ thống (Quy mô 100-200m3)	6.300					6.300			3.150	0	1.575	945		630		
4	Dự án xử lý nước thải các khu lò mổ tập trung (công ích, doanh nghiệp)	Tân tinh		5.000					5.000				2.500				2.500		
5	Xử lý ô nhiễm kênh, các cơ sở giải trí	CB	66 khu	60.000					60.000				50.000				10.000		
6	XD hạ tầng khu đô thị Phú Mỹ đạt loại 4	PT		221.000					221.000				110.500			110.500			
D	Đanh mục dự án do doanh nghiệp đầu tư			2.252.368					2.252.368									2.252.368	
1	Xử lý chất thải theo cơ chế CODM điện trừ	CM, TB		760.000					760.000									760.000	
2	Cơ sở hạ tầng khu trung tâm TC-TM-DV Châu Quới 1	CB	2,7ha	150.000					150.000									150.000	
3	Dự án Khu đô thị mới	P, TY, CD, T	04 khu (chng DT: 79,9 ha)	1.342.300					1.342.300									1.342.300	
A	Đanh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015			293.251		45.371		45.371	247.880			64.854		28.188				164.718	34.088

STT	Đanh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Hình thức đầu tư	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thực hiện từ KCC đầu cuối 2010	Thực hiện 2 năm 2011-2012			Năm của vốn đầu tư 03 năm 2013-2015 (Triệu đồng)									Tỷ lệ KCC Hạng II năm 2013	Chú thích
						Tổng cộng	Thực hiện năm 2011	Thực hiện năm 2012	Tổng số	Chiến lược									
										TW đầu tư trực tiếp nước ngoài	Trái phiếu Chính phủ	TW hỗ trợ có mục tiêu	ODA	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Vốn tín dụng nhà nước	Vốn doanh nghiệp đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
12	Đã an Trường đại chuẩn quốc gia	Trần Đình	Hồ sơ chuẩn quốc gia năm 2010	622.446	0	33.218		33.218	430.000	0				430.000					62.000
13	Đã an trường Chryse		Cấp tạo TW&A, theo yêu cầu đầu tư phòng học, 300 KQ và 02 BK, 02/2010, 02/2011, 02/2012	30.000	0	0		0	30.000			9.500		20.500					9.500
14	Đổi ứng CT đầu báo chế lương OD(SEQAP)			3.000	500	1.500		1.500	1.500					1.500					1.500
15	Dự án Nhà ở nhà viên quan trường bậc TP Long Xuyên	LX	1.736 BV	99.288	0	76.509	44.168	32.341	13.800		3.800			10.000					10.000
B	Đanh mục dự án cơ chế trường đầu tư đến 2015			375.448					365.448	0	0	25.000	0	290.448	0	0	0	0	0
1	Trường THCS DTNT Trí Tôn	TT	127, 478M, VP, VS, CL, TKTK	53.000					30.000			10.000		20.000					
2	Trường THCS DTNT Trại Biên	TB	107, 1278M, VP, VS, TKTK	65.000					30.000			10.000		20.000					
3	Trường THCS DTNT Châu	CB	478M, 100 m, 4, nhà để xe, VS, TKTK	25.000					25.000			5.000		20.000					
4	Trường THPT Bình Chánh	CP		32.000					30.000					20.000					
5	Trường THPT Chi Lăng	TB		22.000					22.000					22.000					
6	Đã an mẫu giáo 5 tuổi		284 P	178.440					178.440					178.440					
A	Đanh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015			2.191.627	57.846	544.726	341.679	283.247	1.578.374	0	253.067	26.778	302.666	919.267	15.136	0	0	0	228.000
1	Dự án đầu tư được TW hỗ trợ TPCP và đối ứng NS tỉnh			1.998.702	33.663	478.715	318.499	160.216	1.483.691	0	251.087	0	352.000	863.674	15.130	0	0	0	251.642
	Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang (điểm mới)	LX	600 giường	1.282.000	0	232.503	139.503	93.000	1.049.497			160.000		352.000	537.497				173.600
	Bệnh viện đa khoa huyện Châu Phú	CP	160 giường	66.293	6.156	32.196	32.196		27.941			15.000		12.941					7.449
	Bệnh viện ĐKKV Châu Đốc (điểm mới)	CB	400 giường	379.131	18.625	138.929	107.929	31.000	221.777			25.000		196.777					36.000
	Bệnh viện ĐK TP Long Xuyên	LX	120 giường	58.901	2.500	13.213	1.513	11.700	43.188			17.471		10.587	15.130				16.000
	Bệnh viện đa khoa huyện Thoại Sơn (GD3)	TS	Thửa 20 giường	14.061	3.844	3.956	1.759	2.197	5.441					5.441					
	Bệnh viện đa khoa huyện Chợ Mới (GD2)	CM	Thửa 30 giường	13.959	2.538	8.910	2.017	6.893	700					700					6.593
	Bệnh viện ĐK huyện Châu Thành	CT	100 giường	111.046	0	9.646	7.446	2.200	101.400			13.000		88.400					12.000
	Bệnh viện ĐK thị xã Tân Châu	TC	150 giường	73.109	0	39.362	26.136	13.226	33.747			22.616		11.131					
2	Bệnh viện đa khoa huyện Trại Biên GD2	TB	Hồ sơ chờ lại	23.209	3.986	8.037	5.505	2.552	5.666					5.666					3.560
3	Khu tìm mạch cam thảo BV Tim mạch AG	LX		14.663	0	9.500	9.500	5.163	5.163					5.163					5.800
4	Cải tạo, mở rộng BV Hồi-TM&H&Đ	LX		6.147	0	0	0	5.450	5.450					5.450					5.450
5	Bệnh viện ĐK TT An Giang (điểm cũ): Cải tạo phòng mổ, kho phẫu thuật ghy mô hồi sức, mở rộng kho Dược, cải tạo trại 10-khoan sản thành kho an sinh	LX		6.908	0	0	0	6.758	6.758					6.758					3.000
6	Hệ thống công đầu nối tư công hợp (trạm bơm tại đường Nguyễn Trãi Phường) dẫn về công nông đường Tôn Đức Thắng thuộc Bệnh viện Đa khoa thị xã Tân Châu	TC	160m	1.408	0	0	0	1.300	1.300					1.300					1.280
7	Trung tâm Y tế dự phòng huyện Thoại Sơn	TB	1.843 m ²	11.127	0	0	0	1.778	1.778					1.778					
8	Trung tâm Y tế dự phòng Long Xuyên	LX	1.044 m ²	11.578	2.271	1.939	1.861	78	7.321					7.321					3.000
9	Trung tâm Y tế dự phòng Châu Phú	CP	1.072 m ²	11.927	3.217	7.094	1.380	5.714	1.616					1.616					1.335
10	Trung tâm Y tế dự phòng Phú Tân	TT	2.842 m ²	15.968	6.269	3.631	2.028	1.603	6.069			4.400		1.669					4.400
11	Trung tâm Y tế dự phòng Tân Châu	FC	1.938 m ²	17.928	5.020	5.439	1.753	3.686	7.469			6.880		589					2.568
12	Trung tâm Y tế dự phòng Trại Biên	TB	1.808 m ²	13.823	0	10.584	5.684	4.900	3.239					3.239					678
13	Trung tâm Y tế dự phòng Trí Tôn	TT	1.335 m ²	13.323	1.474	7.965	4.367	3.598	3.886					3.886					2.667
14	Các Phòng khám đa khoa khu vực:			22.458	973	6.001	301	5.700	15.484	0	0	9.745	0	5.739	0	0	0	0	0
15	Mô rộng phòng khám ĐK khu vực Ba Chúc	TT	1.277 m ²	8.794	0	6.001	301	5.700	2.793					2.793					1.500
16	Phòng khám ĐK khu vực Óc Eo	TB	886 m ²	3.919	973	0	0	0	2.946					2.946					2.000
17	Phòng khám đa khoa khu vực Thành Mỹ Tây	CP	260m ²	9.745	0	0	0	0	9.745			9.745		0					0
B	Đanh mục dự án cơ chế trường đầu tư đến 2015			1.785.817	0	0	0	835.799	835.799	0	0	331.977	266.785	263.117	0	0	0	0	0
1	Trang chái bị Bệnh viện ĐK TX Tân Châu	TC	TTB	81.933	0	0	0	81.933	81.933	0	0	78.294	3.641						

Đã an công trình 1/2017 2013

STT	Biên soạn công trình	Số tiền đầu tư	Hạng mục kiến trúc	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Thập niên đầu tiên năm 2009	Thập niên 7 năm 2011-2013			Năm đầu vào đầu tư từ năm 2012-2018 (Thập niên)										TĐ: ICE (BIBN) năm 2013	Chi phí
						Tổng công	Thập niên năm 2011	Thập niên năm 2012	Chiến lược											
									Tổng số	TW đầu tư trên diện tích	Trái phiếu Chính phủ	TW bổ sung có ngoại tệ	ODA	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Vốn chi dùng chính nước	Vốn thành lập/đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10-11...-14	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19	
2	Trường Tiểu học Bính Việt BKKV Châu Đốc	CB	TH	266.364	0	0	0	0	266.364	21.877	222.411	21.876								
3	Bệnh viện Tân thành An Giang	LX	500 phòng	1.400.000	0	0	0	0	450.000	300.000	150.000									
4	Trường mầm Y tế dự phòng tỉnh (cấp tỉnh)	LX		17.000	0	0	0	0	17.000	10.000	7.000									
5	Trụ sở Tỉnh hội cấp tỉnh	LX		12.000	0	0	0	0	12.000		12.000									
6	Nhà trường mầm non cấp huyện Trại Tân	TY		4.000	0	0	0	0	4.000		4.000									
7	Bệnh viện Đa khoa huyện Thoại Sơn	SB		4.500	0	0	0	0	4.500		4.500									
8	Trạm y tế 17 xã đầu sông châu mới (09 xã đầu tư)			30.000					30.000				30.000							
A Biên soạn dự án chuyên cấp 2011-2013																				
1	Trình tự làm hồ sơ cấp Giấy phép Xây dựng: Hướng dẫn chi tiết các thủ tục TBT, Nhà trưng bày đồ án, quy hoạch và trưng bày mô hình, Hội đồng Trường Tiểu học Thành phố Châu Đốc phân bổ kinh phí xây dựng, 2 nhà vệ sinh công cộng, 10 công trình khác	LX	1 hạng mục	8.664	0	0	0	0	8.664		8.664									7.700
2	Trình tự làm hồ sơ cấp Giấy phép Xây dựng: Hướng dẫn chi tiết các thủ tục TBT, Nhà trưng bày đồ án, quy hoạch và trưng bày mô hình, Hội đồng Trường Tiểu học Thành phố Châu Đốc phân bổ kinh phí xây dựng, 2 nhà vệ sinh công cộng, 10 công trình khác		4 hạng mục (2.000 m ²)	13.417	0	0	0	0			13.417									6.400
3	CHT làm hồ sơ cấp Giấy phép Xây dựng	TS	13,42 ha	43.733	17.314	8.734	934	7.800	23.410		28.142	5.268								3.000
4	Nhà học tại xã: Long Xuyên, Tân Châu, Thoại Sơn	TC LX TS	43 m ²	43.829	0	31.519	7.166	26.341	11.319			7.319	4.000							7.943
5	Nhà thí điểm thí điểm: L. Xuyên, T. Xuyên, C. Xuyên, A. Xuyên	A, TS, AP, CA		121.884	0	30.236	9.125	21.093	93.449			67.370	26.079							37.311
6	Đầu tư xây dựng Trường Tiểu học	CB		4.130	303	3.155	1.280	2.453			2.453									1.800
7	Trường làm hồ sơ cấp Giấy phép Xây dựng	CB	DT diện tích 39.300 m ²	44.331	8.434	4.391	3.895	1.508	31.278			31.278								3.700
8	CT nhà vệ sinh công cộng cấp xã	TY		21.847	0	5.430	470	4.950	16.437			16.437								11.080
9	Sân chơi công cộng cấp xã	LX	1.070 m ²	3.497	0	0	0	0	3.497			3.497								3.000
10	Nhà thí điểm - Dự kiến xây dựng di tích lịch sử nhà thờ Đức	TY	1,47ha	12.242	0	0	0	0	12.242			12.242								2.000
B Biên soạn dự án cấp tỉnh trường đầu tư đầu 2013																				
1	Trình tự làm hồ sơ cấp Giấy phép Xây dựng	CB		30.723					30.600		13.580	8.100								
2	Nhà ở vận động viên 300 chỗ	LX		7.000					7.000		7.000									
3	Nhà thí điểm dự kiến thí điểm tại Châu Đốc	CB		30.000					30.000		30.000									
4	Nhà học 25m huyện Tân Tân (được duyệt QĐ số 220/QĐ-SGDĐT 24/10/2012 cấp tỉnh KHĐT)	TY		6.000					6.000		6.000									
5	Nhà học 25m huyện Phú Tân (được duyệt QĐ số 219/QĐ-SGDĐT 24/10/2012 cấp tỉnh KHĐT)	TY		5.000					5.000		5.000									
C Biên soạn dự án đầu tư BOT, BT, PPP																				
1	KD hàng ngày tuyến đường đầu tư của chính	AP	100m ²	5.500					5.500		5.500			4.000						1.500
2	Làng nghề truyền thống DT (đầu tư xã B. Phước, N. Hộ)	AP	300m ²	4.000					4.000		1.000	1.500								1.500
3	Khu liên kết dự án thí điểm		17ha	303.346					269.366	10.000	15.000			0	0	0				177.946
4	Đầu tư xây dựng, khai thác vận hành công trình		41 ha BT, 04 ha CB, 01 ha đất công (137,00 ha)	1.325.000					1.325.000		15.000									1.310.000
D Biên soạn dự án đầu tư thành lập nghiệp đầu tư																				
1	Chiều dài của trục chính		31 km (4.344,00m)	2.084.503					2.084.503	117.000	0	0	278.120	20.000	60.000	60.000	2.091.523			
2	Khu vực khai thác đất	LX, CB, TS	40 ha (140ha)	400.000					400.000			171.000	40.000	0	343.000					
3	KD, hàng bán T. Xuyên - Cấp tỉnh Núi Sơn	CB	1.000	176.000					176.000											176.000

STT	Mô tả công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Thập niên 2 năm 2011-2012			Năm của báo cáo từ 01 năm 2013-2015 (tổng)										Tỷ lệ (%)	Ghi chú
						Thập niên 2 năm 2011	Thập niên 2 năm 2012	Tổng số	Chi tiết											
									TW của tư vấn địa phương	TW của chính phủ	TW của tư vấn quốc tế	ODA	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp tỉnh	Vốn đầu tư khác	Vốn doanh nghiệp	Vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
4	Khu vực chức năng và chức năng Tân Châu	TC	1ha		2.000				2.000									2.000		
5	10 tháng cấp ưu đãi	TS			40.000				40.000									40.000		
A. Danh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015																				
1	TT Chiến lược-Đầu tư-Lưu động và lợi ích	TT	166 ha, 200 lao động		79.917	37.205	31.533	13.033	18.500	21.181			9.000		12.181				30.000	
2	Mô hình sản xuất rau an toàn MDTT giải pháp	TT	13ha		533		0			530					530					
3	Chi phí phòng chống ô nhiễm môi trường	LX	2ha		6.970		0			6.970					6.970					
B. Danh mục dự án có chủ trương đầu tư đến 2015																				
1	Nâng cao năng lực học tập	LX			6.000		0			6.000					6.000	2.000				
2	Trung tâm Giáo dục Trẻ em An Giang	LX			6.000		0			6.000					6.000					
3	Trung tâm giáo dục trẻ em Châu Đốc	CP			3.000		0			3.000					3.000	1.000				
4	Trung tâm giáo dục trẻ em Chợ Mới	CH			3.000		0			3.000					3.000	1.000				
C. Danh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015																				
1	Đã an ninh được khu vực phòng thủ tỉnh An Giang	Tân Bình			174.945	0	33.000	3.000	20.000	76.945					57.000			20.000	Đã hoàn thành 100% (2/2/2013)	
2	Nhà nghỉ ngơi và cứu trợ nhân đạo An Giang	TS	900 m ²		20.532	1.000	11.632	1.825	9.787	7.920					7.920			2.500		
3	Hàng cứu trợ ăn uống, quần áo BDP khu vực biên giới	CD			99.082	0	213		213	44.841					34.904			19.937	Vẫn duy trì 49.241 m	
4	Đầu tư xây dựng trường Tiểu 923 (Vĩnh Xương)	TC	16.07ha		39.741		0			39.741					39.741			8.438		
D. Danh mục dự án có chủ trương đầu tư đến 2015																				
1	Trung tâm Giáo dục quốc gia - An Ninh	TS	1.200 m ²		278.797					278.797					278.797	0		0	0	
2	Danh mục Tiểu đoàn bộ binh 02	CP			18.000					18.000					18.000				0	
3	Nâng cấp 05 dự án biên giới	CP, AP, TT, TS, SC	3 dự án		7.500					7.500					7.500				0	
4	Tại xã Tân Việt Địch cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ TX Tân Châu	TS			6.000					6.000					6.000				0	
5	Tại xã Tân Việt Trung tâm y tế huyện Vĩnh Xương	TC			3.000					3.000					3.000				0	
6	Chiến lược giải an ninh	TT			2.300					2.300					2.300				0	
7	Chiến lược giải an ninh	TT			2.200					2.200					2.200				0	
8	Biện pháp Dân quân y tế	LX			60.000					60.000					60.000				0	
E. Danh mục dự án chuyển tiếp 2013-2015																				
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Huyện ủy Thoại Sơn	TS			12.864	2.227	500		500	10.137					10.137				1.097	
2	Trụ sở Hội LHPN tỉnh - Khố kho gạo	LX			9.455	6.953	917		917	1.585					1.585				1.000	
3	Đàn chào mừng xã Tân Việt UBND tỉnh	LX			8.756	209	4.163		4.163	4.389					4.389				3.000	
4	Chi phí xây dựng Công Trường	LX			4.843	0	1.500		1.500	3.343					3.343				2.140	
5	Chi phí xây dựng Thành phố an ninh xã Tân Việt TX Tân Châu & Ban Chỉ đạo Khẩn trương	LX			3.004	0	0			3.004					3.004				2.000	
6	Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh	LX			71.066	0	0			71.066					71.066				3.163	
7	Trụ sở làm việc Văn An Giang	LX			5.614	0	0			5.614					5.614				4.000	
8	Nâng cao năng lực học tập	TS			2.436	0	62		62	2.376					2.376				2.000	
9	Khu hành chính huyện Vĩnh Bình	TS	13 ha		90.091	35.023	15.000		15.000	41.999					33.364			8.630	24.843	
F. Danh mục dự án có chủ trương đầu tư đến 2015																				
1	Trung tâm học tập tỉnh An Giang	LX	DTXD 6.100 m ²		96.012					96.012					96.012				0	
2	Trụ sở làm việc SA, Nghành cấp tỉnh	LX	7 trụ sở		63.039					63.039					63.039				0	
	Tổng cộng, số dự án và số lượng dự án				5.036					5.036					5.036				0	

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị đầu tư	Hạng mục thiết bị	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thị trường đầu tư (Triệu đồng)	Thị trường năm 2011-2012			Năm đầu vào đầu tư từ 2013-2020 (Triệu đồng)								Tỷ lệ KPI/PPP năm 2013	Chi phí	
						Tổng công	Thị trường năm 2011	Thị trường năm 2012	Chiến lược										
									Tỷ lệ đầu tư nước ngoài (%)	Trái phiếu Chính phủ	Tỷ lệ trợ cấp ngân sách	ODA	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Vốn tài trợ nước ngoài	Vốn doanh nghiệp đầu tư			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+...+18	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Cải tạo mở rộng Trụ sở Sở Giáo dục Đào tạo			2.652					2.652					2.652					
	Cải tạo MCR Trụ sở Thống tin Tuyên truyền			9.808					9.808					9.808					
	Trụ sở Sở Tư pháp			25.527					25.527					25.527					
	Trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ			17.271					17.271					17.271					
3	Khu Thành chính thành phố Long Xuyên	LX		97.000					97.000					97.000					
4	Đầu tư Trụ sở UBND 17 xã miền sông châu mới		Mô hình 2 (Thành Phố và Vĩnh Thuận) và mô hình mới 6 (Thị trấn, Phố Mới, Long Hòa A, Vĩnh Phú, Mỹ Hòa Hưng, Vĩnh Cường)	50.000					50.000					35.000	15.000				